

VẤN ĐỀ ĐỊNH VỊ NGÔN NGỮ TÀ MUN

Lê Khắc Cường^{1*}, Phan Trần Công²

¹Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ²Trường Đại học KHXH và NV – Đại học Quốc gia TP.HCM

TÓM TẮT

Người Tà Mun hiện sinh sống chủ yếu tại hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh. Họ cộng cư với người Stiêng, người Chrau và người Việt. Quá trình giao lưu, tiếp biến khiến cho việc bảo lưu và nhận diện các đặc trưng văn hóa tộc người gặp nhiều khó khăn.

Về ngôn ngữ, tiếng Tà Mun có mối quan hệ họ hàng với các ngôn ngữ Nam Bahnar, đặc biệt gần gũi với tiếng Chrau qua so sánh, đối chiếu vốn từ cơ bản giữa hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, sự khác biệt của 2 ngôn ngữ này đủ lớn nên theo chúng tôi, thỏa đáng hơn cả là cần xem tiếng Tà Mun như một ngôn ngữ độc lập, chứ không phải là một phương ngữ của tiếng Chrau. Bài viết này cung cấp một số đặc điểm về ngữ âm của tiếng Tà Mun và những tương ứng ngữ âm giữa các từ cơ bản trong tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar; qua đó xác định vị trí của tiếng Tà Mun trong nhóm ngôn ngữ này.

Từ khóa: Ngôn ngữ Tà Mun, nhóm ngôn ngữ Nam Bahnar, tiếng Chrau, tiếng Stiêng, ngôn ngữ Nam Á.

1. GIỚI THIỆU

Vấn đề tộc người và ngôn ngữ tộc người Tà Mun khá phức tạp. Trước năm 1975, người Tà Mun được chính quyền Việt Nam Cộng hòa công nhận là một sắc dân riêng. Sau năm 1979, dù *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* (ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCD ngày 02 tháng 3 năm 1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê) không có tên Tà Mun nhưng Chứng minh nhân dân và một số giấy tờ tùy thân khác của một bộ phận dân cư sinh sống tại hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh vẫn ghi thành phần dân tộc là Tà Mun.

Từ năm 2012 trở lại đây, vấn đề ngôn ngữ và tộc người Tà Mun được giới nghiên cứu chú ý

nhiều hơn sau 2 cuộc hội thảo được tổ chức tại Tây Ninh và Bình Phước trên cơ sở đề tài khoa học về người Tà Mun do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh chủ trì [1]. Ngày 04/10/2012, tỉnh Tây Ninh tổ chức hội thảo về việc xác định tộc danh Tà Mun. Nhiều ý kiến cho rằng Tà Mun, Stiêng, Chrau là ba tộc người khác nhau. Một số khác lại xác định Tà Mun chỉ là một bộ phận của người Stiêng hoặc người Chrau. Tại cuộc hội thảo “*Nghiên cứu thành phần tên gọi người Tà Mun*” do Viện Dân tộc học tổ chức ngày 08/10/2012 tại Bình Phước, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước kiến nghị công nhận tộc người Tà Mun.

*Tác giả liên hệ: PGS.TS Lê Khắc Cường

Email: cuonglk@hiu.vn

Bài viết này trình bày đặc trưng ngữ âm, từ vựng và đối sánh vốn từ cơ bản của tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ Nam Bahnar (bao gồm các ngôn ngữ Mnông, Kơho, Stiêng, Chrau, Mạ), trên cơ sở đó định vị tiếng Tà Mun trong nhóm ngôn ngữ này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN NGŨ LIỆU

Để xác định nguồn gốc và mối quan hệ giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ láng giềng, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp chủ yếu sau đây:

- Phương pháp so sánh miêu tả (*Comparative Descriptive Method*) nhằm miêu tả tiếng Tà Mun, nhất là ở bình diện ngữ âm.
- Phương pháp so sánh lịch sử (*Comparative Historical Method*) nhằm tìm ra những tương đồng và dị biệt về vốn từ vựng cơ bản dựa trên các bảng từ do Morris Swadesh xây dựng.

Bên cạnh các phương pháp nêu trên, các thủ pháp sau cũng được sử dụng:

- Điền dã ngôn ngữ học (*Field Research Methods of Linguistics*) nhằm khảo sát tại chỗ theo hình thức trực tiếp với các cộng tác viên người Tà Mun tại 2 tỉnh Bình Phước và Tây Ninh. Với các ngôn ngữ khác:
 - i) Tiếng Chrau được thu thập chủ yếu tại 2 tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu;
 - ii) Tiếng Stiêng được thu thập chủ yếu tại tỉnh Bình Phước;
 - iii) Tiếng Kơho và tiếng Mạ được thu thập chủ yếu tại tỉnh Lâm Đồng;
 - iv) Tiếng Mnông được thu thập chủ yếu tại 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông.
- Ngữ thời học (*Glottochronology Method*) nhằm tính toán thời gian phân ly của tiếng Tà

Mun cũng như các ngôn ngữ khác trong tiểu nhóm Nam Bahnar.

Nguồn ngữ liệu tiếng Tà Mun được thu thập từ các cộng tác viên người Tà Mun tại 2 tỉnh Bình Phước và Tây Ninh trong các đợt điền dã từ năm 2013 đến năm 2017; chủ yếu là ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; ấp Ninh Đức, xã Ninh Thạnh, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. VỀ TỘC NGƯỜI TÀ MUN

Tài liệu xưa nhất đề cập tộc danh Tà Mun (được ghi là *Tamoun*) mà chúng tôi tìm được là *Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ*, do Phó Thống đốc F. Foures ký ngày 26 tháng 7 năm 1893 [2] (**Hình 1a** và **1b**).

Trước năm 1975, *Giấy chứng nhận sắc tộc* của chính phủ Việt Nam Cộng hòa ghi nhận “sắc dân Tà Mun”, và xem sắc dân này là “đồng bào Thượng miền Nam” (**Hình 2**).

Sau năm 1975, trong chứng minh nhân dân (CMND) của nhiều bà con ở cả 2 tỉnh Bình Phước ở phần “dân tộc” vẫn được ghi là “Tà Mun” hay “Tà Mung” (**Hình 3**).

Sau năm 1975, có khá nhiều công trình đề cập người Tà Mun, tiếng Tà Mun. Về đại thể, có hai luồng ý kiến ngược nhau. Nhóm thứ nhất gồm M.V. Kriukov - Trần Tất Chung [3], Phan An [4], David D. Thomas [5],... cho rằng Tà Mun là một nhánh tách ra từ tộc người Chrau. Nhóm thứ hai gồm Võ Hòa Minh, Nguyễn Xuân Châu [1], nhóm tác giả *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hiệp (1930 - 2015)* [6],... xem Tà Mun là một tộc người riêng.

COCHINCHINE		
26 juillet.....	Arrêté portant que les cantons de Thanh-an, Cuu-an, Minh-ngai, Quan-loi, Loc-minh, Phuoc-le sont réunis en un huyen qui sera désigné sous le titre de huyen du Can-le.....	410 742

— 742 —	
COCHINCHINE	
N° 410. — ARRÊTÉ portant que les cantons de Thanh-an, Cuu-an, Minh-ngai, Quan-loi, Loc-minh, Phuoc-le sont réunis en un huyen, qui sera désigné sous le titre de huyen du Can-le.	
Du 26 juillet 1893.	
Le Lieutenant-Gouverneur de la Cochinchine, Vu les besoins du service; Vu la demande de M. l'administrateur de Thudaumot; Sur la proposition du Secrétaire général; Le Conseil privé entendu,	
ARRÊTE :	
Article premier. — Le canton cambodgien de Thanh-an, le canton tamoun et cambodgien de Cuu-an, les cantons mois de Minh-ngai et de Quan-loi et les cantons stiengs de Loc-minh et Phuoc-le sont réunis en un huyen, qui sera désigné sous le titre de huyen du Can-le.	
Art. 2. — Ces divers cantons fourniront un total de dix hommes, qui seront détachés comme miliciens au poste de surveillance du Can-le-chiam.	
Art. 3. — Les six cantons du huyen de Can-le sont dispensés de tout impôt; mais ils devront, en retour, désherber et préparer trois fois par an la route de Kratié, depuis Chon-thanh jusqu'au Prec-chrion.	
Les époques auxquelles auront lieu ces travaux seront les mois de février, d'août et de novembre.	
L'entretien des ponts, travaux d'art et les travaux d'entretien qu'exigeront une main-d'œuvre spéciale seront faits par l'Administration et les dépenses prélevées sur les crédits d'entretien de la route de Thudaumot à Kratié.	
Art. 4. — Le Secrétaire général est chargé de l'exécution du présent arrêté.	
Saigon, le 26 juillet 1893.	
J. FOURÈS.	
Par le Lieutenant-Gouverneur :	
Le Secrétaire général,	
ESCOUBET.	

Hình 1a. Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ ghi nhận tộc danh Tamoun (bản tiếng Pháp) [2]

NGHỊ ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NAM KỲ, NGÀY 26-7-1893(Nguồn: *Bulletin officiel de l'Indochine française* N° 410, 1893, Page 742)

Phó Thống đốc Nam Kỳ,

Chiều nhu cầu công vụ,

Chiều yêu cầu của Tỉnh trưởng Thudaumot,

Chiều đề nghị của Tổng Thư ký,

Sau khi Hội đồng Cơ mật đã nghe,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1: Tổng người *Thanh-an* của Campuchia, **tổng người tamoun** và *Cru-an* của Campuchia, các tổng người *Mười Minh-ngai* và *Quan-loi* và các tổng người *Stieng Loc-minh* và *Phuoc-le* được tập hợp thành một huyện gọi là huyện Can-le.

Điều 2: Các tổng trên cung cấp 10 người được coi là dân vệ ở trạm kiểm soát Can-le-chiam.

Điều 3: Sáu tổng của huyện Can-le được miễn mọi thứ thuế, nhưng các tổng này phải dọn cây và sửa chữa đường Kratié từ Chon-thanh đến Prec-chrion ba năm một lần.

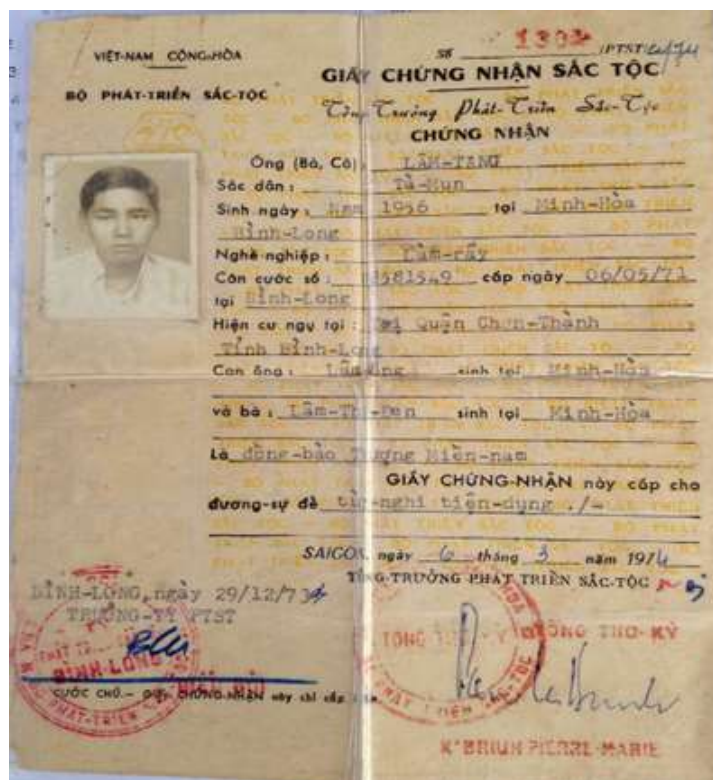
Thời điểm tiến hành các công việc trên là vào các tháng 2, tháng 8 và tháng 11.

Việc bảo dưỡng các cầu, các công trình nghệ thuật và các công việc bảo dưỡng đòi hỏi người có tay nghề sẽ do chính quyền tiến hành và các chi phí được lấy vào kinh phí bảo dưỡng đường Thudaumot đi Kratié.

Điều 4: Tổng Thư ký phụ trách việc thực hiện nghị định này.

Sài Gòn, ngày 26 tháng 7 năm 1893

PHÓ THỐNG ĐỐC, F. FOURES

Hình 1b. Nghị định của Thống đốc Nam Kỳ ghi nhận tộc danh Tamoun (bản dịch tiếng Việt)**Hình 2.** Giấy chứng nhận sắc tộc của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ghi "Sắc dân: Tà Mun"



Hình 3. CMND cấp năm 2014 ghi “Dân tộc: Tà Mun”, cấp năm 1979 ghi “Dân tộc: Tà Mung”

Tất cả bà con người Tà Mun sinh sống tại hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh mà chúng tôi tiếp xúc đều khẳng định Tà Mun là tộc người riêng, chứ không phải là một nhóm của người Chrau, Stiêng, hoặc Khmer. Theo họ, nhiều phong tục, tập quán riêng của tộc người Tà Mun như lễ hội lúa mới, lễ mừng tuổi trưởng thành, lễ cầu mưa, lễ gieo hạt, lễ cúng cơm mới, lễ bỏ mả...có nhiều điểm khác biệt về thời gian và hình thức tổ chức so với các tộc người khác tại Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

Công trình *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hiệp (1930 - 2015)* cho rằng người Tà Mun đã sinh cơ lập nghiệp tại vùng đất Tân Hiệp, nay thuộc xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước: “Theo lời kể của những vị cao niên, trải qua quá trình di cư, người Tà Mun đã đến lập ấp, sống tập trung ở vùng đất này từ trước năm 1928 (...). Cư dân sinh sống ở đây trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp so với thời kỳ chống Mỹ chưa nhiều, chỉ là một sóc nhỏ của đồng bào người Tà Mun; trước kia là ấp 01, tổ Bàu Lùng, tổ Lái Minh, sóc Sa Chất thuộc xã Minh Hòa - Chơn Thành, Sông Bé và hiện nay là ấp Sóc 5, ấp Bàu Lùng, ấp 9, ấp 6 thuộc xã Tân Hiệp - Hớn Quản - Bình Phước” [6, tr. 7, 21].

Trong đề tài: *Nghiên cứu, xác định thành phần dân tộc của nhóm người Tà Mun tại Tây Ninh người Tà Mun tại Tây Ninh*, nhóm nghiên cứu do Võ Hòa

Minh và Nguyễn Xuân Châu làm chủ nhiệm cho rằng: “Người Tà Mun ở Tây Ninh tự nhận mình là Tà Mô hoặc Tà Mun và không có liên quan gì với người Stiêng, Chơ Ro hoặc Khmer. Trong quá trình phát triển, người Tà Mun vẫn bảo tồn và phát triển ngôn ngữ của mình, sử dụng ngôn ngữ Tà Mun trong giao tiếp cũng như dạy cho con cháu tiếng nói của dân tộc mình. Theo khảo sát của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước thì cộng đồng các dân tộc trên địa bàn xã Tân Hiệp, Đồng Nơ của huyện Hớn Quản (Kinh, Hoa, Khmer, Stiêng, Tày, Chăm) đều gọi nhóm người này là Tà Mun, chứ không gọi là Stiêng hay Khmer. Các dân tộc ở đây đều cho rằng nhóm người Tà Mun là một tộc người riêng biệt, chứ không lẫn lộn với dân tộc khác. Người Tà Mun nói gì thì người Stiêng, Chơ Ro hoặc Khmer không hiểu được” [1, tr.45].

Ở tỉnh Bình Phước hiện có 234 hộ người Tà Mun với 1.143 người, tập trung ở xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long. Ở tỉnh Tây Ninh có 386 hộ, 1.716 người Tà Mun, sống tập trung tại thị xã Tây Ninh và các huyện lân cận như Tân Châu, Tân Biên, Dương Minh Châu. Theo kết quả cuộc tổng điều tra dân số năm 2012, người Tà Mun có dân số 1.839 người. Những thống kê trên có thể không chính xác và ít hơn nhiều so với thực tế, bởi như nói trên, nhiều người Tà Mun đã bị xếp vào tộc người Stiêng hoặc Chrau.

4. TIẾNG TÀ MUN

4.1. Ngữ âm tiếng Tà Mun

4.1.1. Âm tiết tiếng Tà Mun

Âm tiết tiếng Tà Mun có dạng cận âm tiết (*sesquisyllabic form*). Một từ ngữ âm/âm vị học (*phonological word*) thường bao gồm âm tiết chính (*major syllable*) và từ 1 đến 2 âm tiết phụ (*minor syllable*) nằm trước âm tiết chính. Âm tiết phụ hay tiền âm tiết (*presyllable*) có thể có hoặc vắng mặt. Âm tiết chính luôn mang trọng âm. Henry F. Blood trong công trình phục nguyên tiếng Tiền Mnông đã xác định mô hình âm tiết cận âm tiết của tiếng Mnông là PO'SCHWVF [7, tr. 23]. Mô hình này tương thích với cấu trúc thực tế của âm tiết tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ Nam Bahnar khác.

Như đã nêu, từ ngữ âm tiếng Tà Mun có cấu trúc dạng PO'SCHWVF. Trong đó:

PO'S là tiền âm tiết (*presyllable*), còn gọi là âm tiết phụ (*minor syllable*). Đây là một âm tiết yếu do đặc trưng về phẩm chất ngữ âm cũng như về độ dài của nó trong tương quan với âm tiết chính.

- P là một âm tắc hoặc một trong các âm xát /s/, /h/ hoặc /l/.
- O' là một nguyên âm trung hòa, không đối lập về chất lượng và trường độ. Nguyên âm của tiền âm tiết không có chức năng khu biệt âm vị học. Các nguyên âm tiền âm tiết phổ biến nhất là /ə/ và /ɐ/. Trong quá trình đơn tiết hóa, nguyên âm của tiền âm tiết có thể bị lược bỏ trong một số bối cảnh ngữ âm.
- S là một âm vị âm tiết tính (*syllabic phoneme*), thường là một trong số các âm vang /m/, /n/, /ɲ/, /ŋ/, /l/.

Tiền âm tiết có thể có dạng đầy đủ (PO'S) như: kəmbək (vỏ cây); təmtɕh (ngực); səmbɔt (váy

cuốn); kənnɔp (bờ sông); kaŋkɕh (cầm).

Hoặc dạng thiếu âm cuối (PO') như: pəkaj (sao); bəkaw (hoa); kəkək (mây); səʔbək (da); gəpəw ∞ kəpəw (con trâu).

Hay dạng thiếu cả âm đầu và nguyên âm tiền âm tiết (S) như: mham (máu); nteŋ (xương); ɲciʔ (cỏ); ŋkeʔ (cát).

CHWVF là âm tiết chính (*main/major syllable*), với:

- C (*consonant*) có thể là bất kỳ phụ âm nào trong hệ thống phụ âm tiếng Tà Mun.
- H là một trong các phụ âm vang /h/, /l/, hoặc âm tắc /g/.
- W là một bán nguyên âm, có thể là /w/ hoặc /j/.
- V (*vowel*) là bất kỳ nguyên âm nào trong hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun.
- F (*final consonant*) là một phụ âm (ngoại trừ các phụ âm tắc hữu thanh và thanh hầu hóa), một bán nguyên âm, hoặc một tổ hợp gồm một phụ âm thanh hầu (phụ âm tắc /ʔ/ hoặc xát /h/) và một bán nguyên âm (/w/ hoặc /j/). Ví dụ: pa (bay), tɕɲ (trúng), cek (chuối), ka (cá), ʔbət ∞ cəʔbət (bóp), ʔdek (sắt), bək (trắng), ndah (hỉ (mũi)), ɲun (nai), gɕm (cười), kəʔbək (ổ), ʔdun (nổi lên), ɲul (say), gak (chửi), səŋ (thẳng), hoʔ (ói), muh (mũi), səna (ná), kɲaw (bên trái), phuj (bụi),...

Tiếng Tà Mun có 3 tổ hợp phụ âm cuối là: /jh/, /jʔ/, /wʔ/; ví dụ: chɕjh (đám hỏi); pɕjʔ (nhỏ); trowʔ (trời); ... Chúng tôi không tìm thấy tổ hợp /wh/. Trong một số ngôn ngữ Nam Bahnar khác, tổ hợp /wh/ cũng có tần số rất thấp.

Từ ngữ âm/âm vị học tiếng Tà Mun có hai dạng: từ đơn đơn tiết và từ đơn đa tiết, trong đó từ đơn đơn tiết là chủ yếu, chiếm tỷ lệ gần 80%. Thống kê 281 từ cơ bản của Morris Swadesh của 5 ngôn ngữ gồm: Tà Mun (được ghi nhận tại

2 tỉnh Tây Ninh và Bình Phước), Kơho (phương ngữ Srêh, tỉnh Lâm Đồng), Mnông (phương ngữ Preh, tỉnh Đắk Lắk), Stiêng (phương ngữ Bu Lơ,

tỉnh Bình Phước) và Chrau (phương ngữ Jro, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), chúng tôi có kết quả như **Bảng 1**:

Bảng 1. So sánh tỷ lệ từ ngữ âm đa tiết/từ cơ bản của ngôn ngữ thuộc tiểu nhóm Nam Bahnar

Ngôn ngữ	Kơho	Mnông	Stiêng	Chrau	Tà Mun
Số từ đa tiết/281 từ cơ bản	88/281	45/281	63/281	66/281	57/281
Tỷ lệ	31.43%	16.07%	22.50%	23.57%	20.28%

Như vậy, quá trình đơn tiết hóa của tiếng Mnông diễn ra mạnh mẽ nhất, chỉ còn hơn 16.07% là từ đa tiết, kể đến là Tà Mun (20.28%), Stiêng (22.50%), Chrau (23.57%) và cuối cùng là Kơho (31.43%). So sánh với cứ liệu phục nguyên ngôn ngữ Tiền Mnông của

Henry F. Blood, chúng tôi nhận thấy các từ cơ bản trong tiếng Tà Mun, Kơho, Mnông, Stiêng, Chrau với ngôn ngữ Tiền Mnông có sự tương đồng rất cao. Điều này cho thấy đây là những ngôn ngữ cùng ngữ hệ và có quan hệ họ hàng gần gũi.

Bảng 2. So sánh từ cơ bản của ngôn ngữ Nam Bahnar - ngôn ngữ Tiền Mnông

Tiền Mnông	Kơho	Mnông	Stiêng	Chrau	Tà Mun	Việt
*ngkɔ	ŋkɔ	təkɔ	kɔ	ŋkɔ	kɔ	cỏ
*səmǎnh	səmǎn	mǎn	mǎn	səmǎn	pəkaj	sao
*bəkaw	bəkǎw	kaw	kaw	ŋkaw	bəkaw	hoa
*kənrôk	kənrôk	ndrôk	go, nroq	buɭ	go	bò
*kən-haj	kən-haj	khǎj	khǎj	khǎj	khǎj	trắng
*rəndəh	rəndəh	ndəh	rədǎh	rədǎh	gədəh	xe
*məɲwɛl	bəɲul	ɲul	ɲul	bəɲul	jũl	say

4.1.2. Âm vị tiếng Tà Mun

a) Âm vị phụ âm

Phụ âm đầu của tiền âm tiết bao gồm 17 phụ âm như **Bảng 3** sau đây:

Bảng 3. Hệ thống phụ âm đầu của tiền âm tiết tiếng Tà Mun

p	t	c	k	ʔ
b	d	ʃ	g	
	s			h
m	n	ɲ	ŋ	
	l	j		

Có thể nói, sự thể hiện của các âm đầu của tiền âm tiết tiếng Tà Mun về cơ bản không khác so với các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar, trừ sự vắng mặt của phụ âm rung /r/.

Phụ âm đầu của âm tiết chính có thể là một phụ âm đơn hoặc một tổ hợp có 2-3 phụ âm. Tổ hợp 3 phụ âm hiện còn rất ít. Tổ hợp phụ âm được thể hiện rõ (tổ hợp chặt) nếu phụ âm thứ hai (hoặc thứ ba trong tổ hợp 3 phụ âm) là một trong hai phụ âm /l/ hoặc /h/. Ví dụ: mlǎw (hồ), plja (lá), khoɲ (đu đủ), khǎj (mặt trắng). Trong

các tổ hợp mà yếu tố thứ hai hay thứ ba không phải là /l/ hoặc /h/ thì yếu tố thứ nhất được thể hiện như một tiền âm tiết với nguyên âm nhược hóa. Ví dụ: kəbok (đầu); kəʔbək (ổ); kəcew (dơi); keyaw (xoáy tóc); kemăw (hòn đá);...

Hệ thống phụ âm đầu của âm tiết chính tiếng Tà Mun bao gồm 20 âm vị:

Bảng 4. Hệ thống phụ âm đầu của âm tiết chính tiếng Tà Mun

p	t	c	k	ʔ
ʔb	ʔd			
b	d	ʃ	g	
m	n	ɲ	ŋ	
w	l	j		
	s			h

Hai dãy phụ âm tắc, hữu thanh /ʔb, ʔd/ và /b, d, ʃ, g/ khu biệt nhau ở chỗ /ʔb, ʔd/ là các phụ âm hữu thanh tiền thanh hầu hóa hay phụ âm hút vào (*voiced implosive consonants*). Các phụ âm hữu thanh /b, d, ʃ, g/ được thể hiện như những phụ âm đẩy ra (*voiced explosive consonants*), có âm vực thấp.

Phụ âm /r/ là một âm rung, có mặt trong nhiều ngôn ngữ thiểu số tại Việt Nam. Tuy nhiên, tiếng Tà Mun không có âm vị này. Tương ứng với /r/ trong các ngôn ngữ Nam Bahnar khác là một phụ âm tắc, hữu thanh, lưỡi sau /g/ trong tiếng Tà Mun.

Bảng 5. Tương ứng /g-/ (Tà Mun, Chrau) - /r-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
geh	reh	reh	ridh	reh	reh	(song) mây
gaw	raw	raw	raw	raw	raw	rửa
guh	rih	reh	kih	keh	rih	sống
gieh	rjeh	rieh	rias	rias	rieh	rễ

Trong tổ hợp phụ âm đầu, khi yếu tố thứ hai (hoặc thứ ba) của tổ hợp phụ âm trong các ngôn ngữ Nam Bahnar là /r/ thì trong tiếng Tà Mun cũng là /g/. Khi đó, tương ứng với một từ đơn đơn tiết có âm đầu là tổ hợp phụ âm trong các ngôn ngữ Nam Bahnar là một từ đơn đa tiết trong tiếng Tà Mun. Ví dụ: prih - pəgɣh (cao); troʔ - təgoʔ (trời); cruɲ - cəguɲ (con sâu);...

Như đã nói, phụ âm cuối của tiền âm tiết là một âm vị âm tiết tính (*syllabic phoneme*), thường là một trong các phụ âm vang /m/, /n/, /ɲ/, /ŋ/, /l/. Ví dụ: kəmbək (vỏ cây); təmtɣh (ngực); səmbɣt (váy cuốn); kənnɯp (bờ sông); kaŋkɣh (cầm).

Âm cuối của âm tiết chính gồm 13 âm vị phụ âm:

Bảng 6. Hệ thống phụ âm cuối của âm tiết chính tiếng Tà Mun

p	t	ck	ʔ
m	n	ɲ	ŋ
	l		h
w		j	

Ở vị trí âm cuối của âm tiết chính còn có 3 tổ hợp phụ âm bao gồm một bán nguyên âm và một phụ âm thanh hầu. Đó là các tổ hợp /-wʔ, -jʔ, -jh/; ví dụ: təgɣwʔ ∞ təgoʔ (trời); pɣjʔ (nhỏ); ruɲh (ruồi). Âm cuối xát, vô thanh /-s/ vốn xuất hiện khá phổ biến trong ngôn ngữ Tiên Bahnar (*Proto Bahnar*) đã không còn trong hệ thống âm cuối tiếng Tà Mun, thay vào đó là tổ hợp /jh/.

Tiếng Tà Mun ở Tây Ninh và Bình Phước không có phụ âm cuối /-r/.

b) Âm vị nguyên âm

Như các ngôn ngữ Nam Bahnar khác, hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun bao gồm 9 nguyên âm cơ bản kèm theo một nét siêu đoạn về trường độ. Sự khác nhau chủ yếu giữa hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun - các ngôn ngữ Nam Bahnar khác chính là số lượng các nguyên âm ngắn và nguyên âm dài.

Hệ thống âm vị nguyên âm khác tiếng Tà Mun có 16 âm vị, gồm:

Bảng 7. Hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun

i/ĩ	u	u/ũ
ie	ue	uo
e	ɛ/ɛ̃	o
ɛ	a/ã	ɔ

Tiếng Tà Mun có 3 nguyên âm đôi. Các nguyên âm đôi này được người lớn tuổi thể hiện theo hướng *mạnh sau*, yếu tố thứ nhất được phát âm lướt: /je/, /ue/, /uo/. Nhưng ở thanh thiếu niên, chúng được thể hiện như các nguyên âm đôi trong tiếng Việt, nghĩa là *mạnh ở yếu tố đầu tiên*.

c) Quá trình đơn tiết hóa tiếng Tà Mun

Tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ Nam Bahnar đang trong quá trình đơn tiết hóa (*monosyllabized process*). Đây là xu thế phát triển của nhiều ngôn ngữ Đông Nam Á nhằm hướng đến một cơ cấu từ ngữ âm đơn tiết. Khảo sát các ngôn ngữ trong nhóm cũng như so sánh phát âm của người Tà Mun thuộc những địa phương khác nhau, thuộc những thế hệ khác nhau tại Tây Ninh, dễ dàng nhận ra điều này.

Bảng 8. Hiện tượng đơn tiết hóa trong tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ Nam Bahnar khác

Tà Mun		Kơho	Mnông	Stiêng	Chrau	Việt
> 20 tuổi	< 20 tuổi					
le	le	nha	nha	ləha	nkhlə	lá
bəkaw	kaw	bəkaw	kaw	kaw	ŋkaw	hoa
khonj	khonj	bəlhornj	lehũj	ləhũj	lehũj	đu đủ
kənoʔ	noʔ	tənoʔ	sənoʔ	noʔ	sənoʔ	lông
pa	pa	par	mpar	mpar	par	bay
gwoh	gwoh	rəwas	rəwəh	rəwəh	rəwəh	voi
gujh	gujh	rəhaj	rəhwāj	rəhwəj	rəwāj	ruồi

4.1.3. Sự tương ứng ngữ âm giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ Nam Bahnar khác

Những ngôn ngữ có quan hệ họ hàng chia sẻ vốn từ cơ bản giống nhau. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, từ vựng có nhiều biến đổi về mặt ngữ âm. Trong phương pháp so sánh lịch sử, người ta chú ý các tương ứng từ vựng cơ bản để xác định những biến đổi ngữ âm có quy luật. Biến đổi ngữ âm có quy luật là biến đổi ngữ âm xảy ra đồng loạt, lặp đi lặp lại. Quy luật biến đổi ngữ âm trong những ngôn ngữ có cùng họ

hàng được thể hiện dưới hình thức sự tương ứng (*equivalence, correspondence*) ngữ âm giữa những đơn vị có nghĩa giống nhau được đem ra so sánh. Loại tương ứng thứ nhất - tương ứng đồng nhất (đồng âm hoàn toàn), là rất hiếm. Đồng nhất âm thanh là sự bảo lưu trạng thái ban đầu giữa những ngôn ngữ trong một nhóm ngôn ngữ. Loại tương ứng thứ hai là sự tương ứng được thể hiện dưới dạng khác biệt âm thanh đều đặn và được lặp đi lặp lại. Tương ứng đều đặn không bảo lưu nguyên vẹn trạng

thái ban đầu nhưng sự lặp lại cho phép người ta nhận biết chúng cùng dẫn xuất từ một trạng thái chung. Đây là dạng tương ứng điển hình nhất của quy luật biến đổi ngữ âm giữa những ngôn ngữ họ hàng. Sau đây là một số tương ứng ngữ âm giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar cho thấy mối quan hệ nguồn cội của chúng.

a) Tương ứng /g/ (Tà Mun) - /r/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Ngôn ngữ Tà Mun không có phụ âm /r/. Trong các ngôn ngữ Nam Bahnar khác, những từ có phụ âm đầu tiên âm tiết hay âm tiết chính là /r/ thì trong tiếng Tà Mun là /g/. Đây là sự tương ứng đồng loạt, hầu như không có ngoại lệ.

Bảng 9. Tương ứng /g/ (Tà Mun) - /r/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
geh	reh	reh	riɗh	reh	reh	(song) mây
gaw	raw	raw	raw	raw	raw	rửa
guh	rih	reh	kih	keh	rih	sống
gieh	rjeh	rieh	rias	rias	rieh	rễ

b) Tương ứng /k-/ (Tà Mun) - /g-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Đây là sự tương ứng khá phổ biến ở nhiều ngôn

ngữ, giống hiện tượng xát hóa (spirantization) các phụ âm tắc trong tiếng Việt /k/ > /ɣ/, /p/ > /f/, /b/ > /v/.

Bảng 10. Tương ứng /k-/ (Tà Mun) - /g-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
kũ?	gu?	gôk	nguj	nguj	guj/gu?	ngồi
kuut	guut	guut	gĩt	get/gĩt	gĩt/kĩt	biết
səkur	səgɤr	səgɤr	gɤr	səgɤr	kɤr	trống
kɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	cồng

c) Tương ứng /t-/ (Tà Mun) - /d-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Bảng 11. Tương ứng /t-/ (Tà Mun) - /d-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
tie?/tja?	da?	dak	da?	da	dak	nước
teh	deh	deh	deh	dêh	deh	thấp
tuh	du?	duh	du?	duh	du?	nóng
tup/típ	dip	di	di	dip	di	đúng

d) Tương ứng /p-/ (Tà Mun) - /b-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Bảng 12. Tương ứng /p-/ (Tà Mun) - /b-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
poq	kəmbəʔ	bək	boʔ	bo	buq, buk	đầu
pia	ba	ba	ba	ba	pia	lúa
puoh	bəh	bəh	buoh	bəh	bəh	muối
puh	buh	bo	buh	buh	puh	tro
puoʔ	bəʔ	bək	bəʔ	bəʔ	bə	trắng

e) Tương ứng /j-/ (Tà Mun) - /ɲ-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Đây là tương ứng đã từng xảy ra với tiếng Việt; trong đó thổ ngữ Huế còn lưu giữ âm /j-/ còn tiếng Việt toàn dân đã là /ɲ-/.

Bảng 13. Tương ứng /j-/ (Tà Mun) - /ɲ-/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
jim	ɲim	ɲɪm	ɲim	ɲim	ɲim	khóc
jul	pjɲul	ɲul	ɲul	pəɲol	ɲul	say
ji	nhi	nhi	hiu	hiu	ɲih	nhà
juʔ	ɲhuʔ	ɲhuʔ	ɲhoʔ	ɲhoʔ	ɲhuʔ	khói
jɹu	jău	kla	kliu	kliu	jău	cọp
juʔ	ɲjəh	juuk	jəʔ	ɲjɹʔ	chuuk	nặng
jiah	jăh	jeh	niam	niam	weh	tốt

f) Tương ứng phụ âm cuối zero /-w/, /-j/ (Tà Mun) - /-r/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Bảng 14. Tương ứng phụ âm zero, /-w/, /-j/ - /-r/

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
măɬ nuwɹ	măɬ năɹ	măɬ nar	măɬ năɹ	măɬ tənaj	măɬ năɹ	mặt trời
skuwɹ	səgɹɹ	ɲgɹɹ	səɲgɹɹ	səɲgɹɹ	gɹɹ	trống
pa	əar	par	par	par	mpar	bay
e	ier	ier	iar	iar	iăɹ	gà
hə	hər	hər	hər	hər	hər	chạy
uo/u	ur	ur	ur	ur	ur	vợ
taw	Tor	tor	tor	tor	tor	tai

g) Tương ứng [-k] - [-ʔ]

Hiện tượng này đã được Henry F. Blood nêu rõ trong công trình phục nguyên tiếng

Tiền Mnông [7, tr. 17-19]. Cảnh đó cũng có hiện tượng âm cuối tắc bị rơi rụng: /-k/, /-ʔ/ > zero, tuy nhiên chưa phổ biến.

Bảng 15. Tương ứng [-k] - [-ʔ] giữa các ngôn ngữ Nam Bahnar

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
kũʔ	guʔ	gôk	nguj	nguj	guj/guʔ	ngồi
səkurʔ	səgʔr	səgʔr	gʔr	səgʔr	kʔr	trống
kut	gut	gut	gít	get/gít	gít/kit	biết
kɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	gɔŋ	cồng
kum	gʔm	gʔm	gʔm	gʔm	kum	nấu

h) Tương ứng /-h/, /jh/ - /-s/

Phụ âm cuối /-s/ tương ứng với /-h/ hay /-jh/ giữa các ngôn ngữ Nam Bahnar.

Bảng 16. Tương ứng /-h/, /jh/ - /-s/

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
mjah	mah	mas	mas	mas	mah	vàng
gieh	rjeh	rieh	rias	rias	rieh	rễ
puh/pjh	puh	beh	bʔjh	bʔs	beh	rắn
kəmun	təmun	buneh	bənujh	bənʔs	bunujh	người

Sự tương ứng nguyên âm của âm tiết chính trong các ngôn ngữ Nam Bahnar không có quy luật chặt chẽ như tương ứng phụ âm, nhất là đối với các nguyên âm dòng giữa có độ mở hẹp và trung bình như [u], [ɤ]/[ɛ]. Nhiều trường

hợp chúng tương ứng với các nguyên âm dòng trước có cùng độ mở [i] và [e]. Sự chuyển đổi nguyên âm ở bốn vị trí này diễn ra khá phổ biến, tuy nhiên chưa phải là những tương ứng đồng loạt.

i) Tương ứng /u/ - /ɤ/, /i/, /e/**Bảng 17.** Tương ứng /u/ - /ɤ/, /i/, /e/

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kơho	Mnông	Việt
kut	gut	gut	gít	gít	gít	biết
kum	gʔm	gʔm	gʔm	gʔm	kum	nấu
guh	rih	reh	rih	ris	reh	sống
jwq	kjʔh	jʔk	njʔʔ	kənjʔʔ	jʔk	nặng

j) Tương ứng nguyên âm đôi /uo/ (Tà Mun) – nguyên âm đơn (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Nguyên âm đôi /uo/ trong tiếng Tà Mun thường tương ứng với các nguyên âm đơn tròn môi cùng dòng trong các ngôn ngữ Nam Bahnar.

Bảng 18. Tương ứng /uo/ (Tà Mun) - /ɔ/, /o/ (các ngôn ngữ Nam Bahnar khác)

Tà Mun	Chrau	Stiêng	Mạ	Kocho	Mnông	Việt
cuoŋ	joŋ	joŋ	coŋ	joŋ	choŋ	dài
puoh	bɔh	bɔh	buoh	bɔh	bɔh	muối
puoʔ	bɔʔ	bɔk	bɔ	bɔ	bɔk	trắng

Việc phục nguyên là công việc khó khăn, đòi hỏi thời gian nghiên cứu và khối ngữ liệu lớn. Trên đây chúng tôi bước đầu nêu những tương ứng ngữ âm phổ biến giữa tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar. Tuy vậy, chúng ta vẫn có thể thấy sự tương đồng trên bình diện ngữ âm mang tính hệ thống của tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ cùng nhóm. Điều này có ý nghĩa trong việc so sánh lịch sử. Nó cho thấy các ngôn ngữ Tà Mun, Chrau, Kocho, Mạ, Stiêng, Mnông là những ngôn ngữ họ hàng gần.

5. VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TIẾNG TÀ MUN VÀ CÁC NGÔN NGỮ NAM BAHNAR

5.1. Về việc xác định niên đại các ngôn ngữ cùng ngữ hệ

Khi không có văn tự để xác định niên đại, ngôn ngữ học lịch sử dùng phương pháp tính toán thống kê chiều sâu thời gian hay khoảng cách thời gian của ngôn ngữ. Đó là phương pháp Ngữ thời học (Glottochronology). Ngữ thời học do hai nhà ngôn ngữ học Mỹ Morris Swadesh và Robert Lees đưa ra vào năm 1952 với mục đích là tính toán khoảng thời gian trôi qua kể từ khi hai ngôn ngữ thân thuộc bắt đầu phân ly.

Phương pháp Ngữ thời học xuất phát từ giả thuyết cho rằng các từ thuộc vốn từ vựng cơ

bản thường được giữ lại và tỷ lệ mất đi của chúng là như nhau. Morris Swadesh cho rằng: *“Trong tất cả các ngôn ngữ, đối lập với bộ phận từ vựng chuyên môn hay cái gọi là bộ phận từ vựng “văn hóa”, bộ phận từ vựng biểu thị những khái niệm gốc, những khái niệm cơ bản, và đồng thời là những khái niệm thông thường được biến đổi với tốc độ ổn định. Do đó có thể xác định số thời gian đã trôi qua trên cơ sở tỷ lệ các yếu tố được giữ lại trong một từ điển thí nghiệm, lựa chọn theo cách tương ứng”* [8; tr. 544].

Các từ vựng cơ bản được rút ra từ các ngôn ngữ cần so sánh; đếm số lượng từ tương tự nhau - có chú ý đến sự biến đổi ngữ âm - giữa các ngôn ngữ. Các nhà ngữ thời học nhận thấy rằng số lượng từ tương đồng giữa hai ngôn ngữ càng thấp thì thời gian hai ngôn ngữ tách khỏi nhau càng dài.

Morris Swadesh và Robert Lees lấy một số ngôn ngữ mà thời gian chia tách đã được xác định và tìm ra mối tương liên giữa tỷ lệ từ vựng chung và khoảng cách thời gian đã trôi qua kể từ khi chúng phân ly. Tỷ lệ từ vựng chung được lọc từ bảng từ cơ bản (*basic/premier vocabulary*). Năm 1952, Swadesh đưa ra bảng 200 từ. Năm 1955, ông rút gọn còn 100 từ. Từ tỷ lệ từ vựng chung trong bảng từ cơ bản, thời gian chia tách

được tính toán bằng công thức ngữ thời học (Glottochronology formula) sau:

$$t = \frac{\log C}{2 \log r}$$

Trong đó:

t: thời gian đã trải qua kể từ khi hai ngôn ngữ tách khỏi nhau (đơn vị: ngàn năm);

C: là tỷ lệ phần trăm từ vựng chung giữa hai ngôn ngữ;

r: hằng số tương ứng với bảng từ 100 hay 200; với bảng từ 100 là 0.86, bảng từ 200 là 0.805 [9, tr. 452].

Về sau, bảng từ cơ bản được phát triển lên thành 281 từ, hằng số r vẫn là 0.805. Bảng từ này cho phép bỏ qua những từ vắng mặt và vẫn tính tỷ lệ trên con số 281 từ. Bảng từ 281 đã được Viện Ngôn ngữ học Mùa hè (Summer Institute of Linguistics - SIL) của Hoa Kỳ sử dụng rộng rãi để nghiên cứu các ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có các ngôn ngữ thiểu số tại Việt Nam.

5.2. Sự tương đồng về từ vựng cơ bản giữa các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar

Việc xác định những từ có cùng nguồn gốc trong nhóm Nam Bahnar dựa trên sự tương đồng ngữ âm giữa các cặp từ. So sánh 281 từ cơ bản của tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ Nam Bahnar khác, chúng tôi có kết quả như sau:

Bảng 19. Sự tương đồng giữa vốn từ cơ bản tiếng Tà Mun - các ngôn ngữ Nam Bahnar khác

Tà Mun					
191	Chrau				
146	150	Stiêng			
108	128	111	Mạ		
113	154	129	178	Kohô	
117	153	131	156	149	Mnông

Bảng 20. Tỷ lệ % từ tương đồng giữa tiếng Tà Mun - các ngôn ngữ Nam Bahnar khác

Tà Mun					
68.0	Chrau				
51.9	53.3	Stiêng			
38.4	45.5	39.5	Mạ		
40.2	45.8	45.9	63.3	Kohô	
41.6	54.4	46.6	55.6	53.0	Mnông

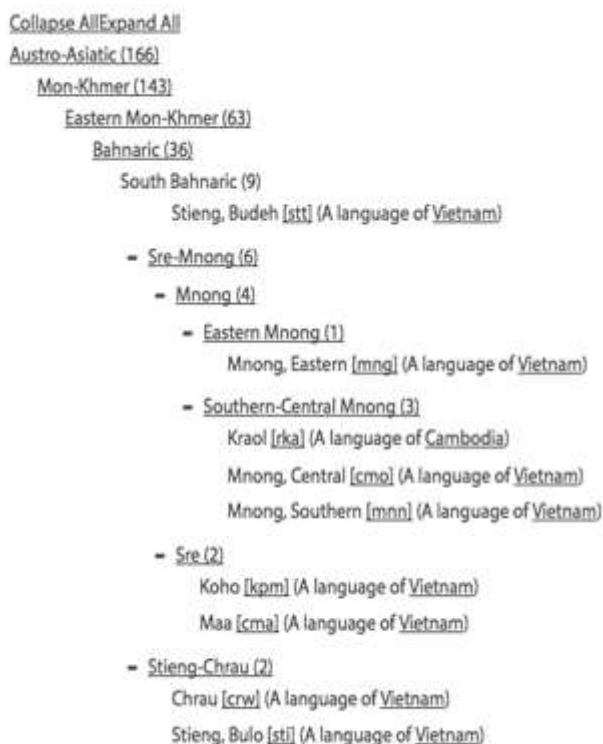
5.3. Thời gian phân ly giữa các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar

5.3.1. Các quan điểm về cây phả hệ Nam Bahnar

a) Quan điểm của tạp chí *Ethnologue, the Languages of the World*

Tạp chí *Ethnologue, the Languages of the World* (20th Edition, 2017) [9] chia các ngôn ngữ Nam Bahnar thành các nhánh như hình sau:

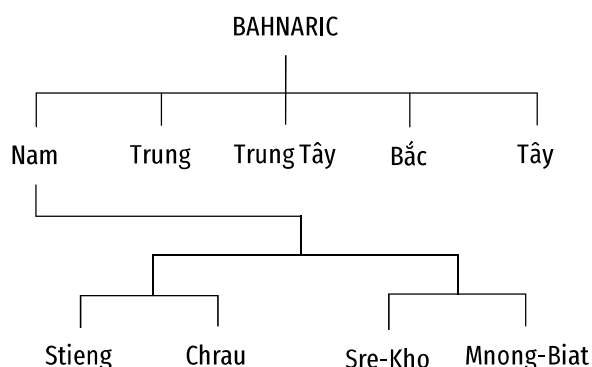
South Bahnaric



Hình 4. Phân nhánh nhóm Nam Bahnar của *Ethnologue, the Languages of the World* [9]

b) Quan điểm của Nguyễn Văn Lợi

Nguyễn Văn Lợi đề xuất cây ngữ hệ của nhánh Nam Bahnar thể hiện sự phân ly của các ngôn ngữ trong nhóm [11, tr. 25].



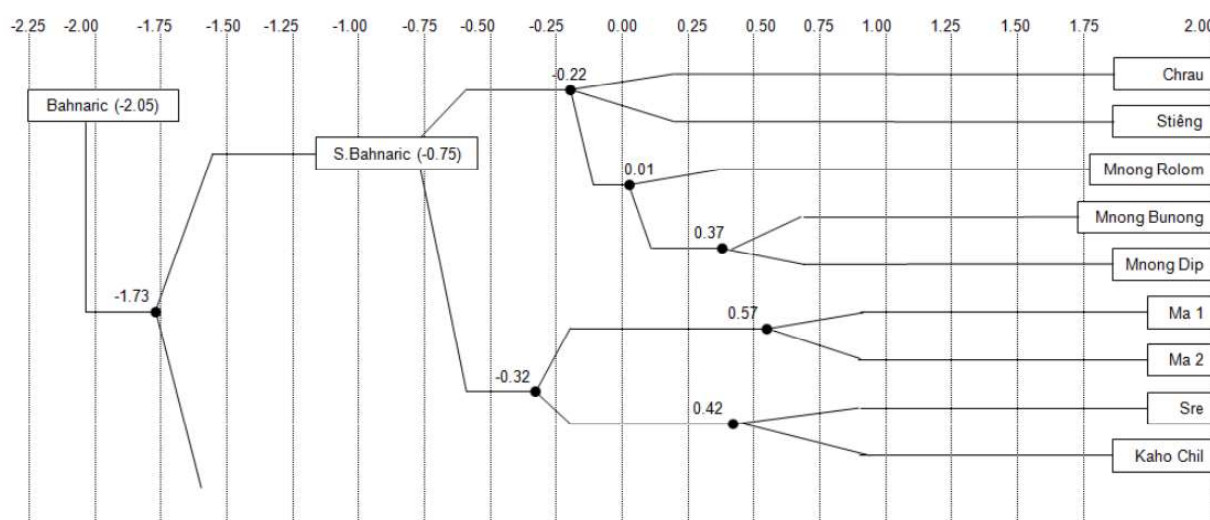
Hình 5. Sơ đồ phả hệ nhóm Nam Bahnar theo Nguyễn Văn Lợi

c) Quan điểm của I. Peiros

Trong bài viết nêu trên, Nguyễn Văn Lợi cũng

trích dẫn luận án về phân loại các ngôn ngữ Nam Á, năm 2001, của I. Peiros. I. Peiros đưa ra bảng phân loại ngôn ngữ Nam Á chi tiết hơn. Mô hình của I. Peiros có mốc thời gian (tương đối) cho mỗi nút chia tách giữa các ngôn ngữ [11, tr. 52].

Theo sơ đồ của I. Peiros (**Hình 6**) thì Nam Bahnar có hai điểm nút chính. Điểm nút thứ nhất là nơi chia tách thành ba nhánh là Chrau, Stiêng và Mnông. Mnông tiếp tục chia tách thành 3 nhánh khác nhau (Mnong Rolom, Mnong Bunong, Mnong Dip). Điểm nút thứ hai là nơi chia tách giữa tiếng Mạ và tiếng Kơho. Nhánh Mạ sau đó chia thành hai nhánh (Ma 1, Ma 2). Nhánh Kơho cũng chia thành 2 nhánh (Sre, Kaho Chil).



Hình 6. Sơ đồ cây phả hệ nhánh Nam Bahnar của I. Peiros

5.3.2. Thời gian phân ly của tiếng Tà Mun và định vị tiếng Tà Mun trong nhóm ngôn ngữ Nam Bahnar

Sử dụng công thức tính thời gian phân ly giữa các ngôn ngữ trong nhóm dựa trên tỷ lệ tương đồng giữa các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar, ta có:

Tỷ lệ tương ứng từ vựng giữa tiếng Tà Mun và tiếng Chrau là cao nhất (68%), do vậy $C = 0.680$

$$\rightarrow t = \frac{\log 0.680}{2 \log 0.805} = 0.890$$

Như vậy, thời gian tiếng Tà Mun trở thành phương ngữ Tà Mun của tiếng Chrau cách đây 890 năm.

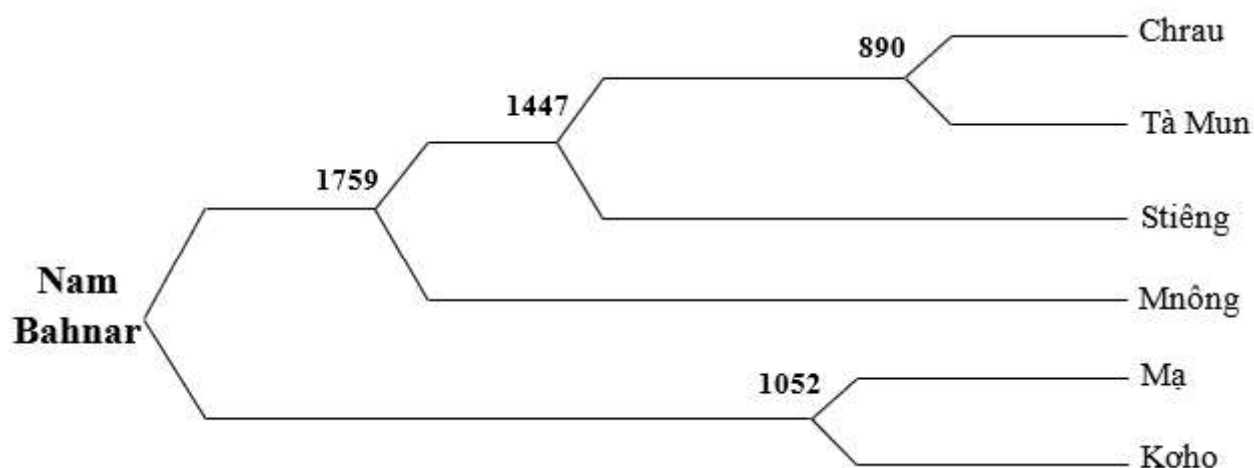
Tương tự, tỷ lệ tương đồng từ vựng giữa tiếng Chrau và tiếng Stiêng là 53.3%, do vậy thời gian chia tách giữa tiếng Chrau và tiếng Stiêng là 1.447 năm; tỷ lệ tương đồng từ vựng giữa tiếng Stiêng và tiếng Mnông là 46.6%, do vậy thời gian chia tách giữa tiếng Chrau và tiếng Stiêng là 1.795 năm.

Tóm lại, ngôn ngữ tiền thân của tiếng Stiêng và tiếng Chrau, Pro Stiêng-Chrau, xuất hiện hai *phương ngữ* ở thời điểm cách nay 1.447 năm. Hai phương ngữ đó dần trở thành hai ngôn ngữ độc lập hiện nay là Stiêng và Chrau. Kết quả này khác với kết quả của I. Peiros thể hiện trong sơ đồ của tác giả. Theo sơ đồ của I. Peiros thì thời điểm chia tách giữa tiếng Stiêng và tiếng Chrau xảy ra trước Công nguyên (-0.22), tức cách nay hơn 2.000 năm.

Những tính toán trên chỉ mang tính tương đối. Ngữ thời học biểu diễn bằng các *điểm thời gian* chia tách giữa hai ngôn ngữ nhưng phải xem đó là các *khoảng thời gian*. Với thủ pháp thống kê từ vựng, mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ

cùng được phản ánh qua thời gian tồn tại độc lập của các họ, chi, nhánh, ngôn ngữ. Theo Morris Swadesh, các phương ngữ của một ngôn ngữ có tỷ lệ từ chung với độ tuổi (thời gian tồn tại độc lập) không quá 500 năm. Kết quả thời gian chia tách giữa tiếng Tà Mun và tiếng Chrau cho đến nay là 890 năm, giữa tiếng Chrau và tiếng Stiêng là 1.447 năm. Trong khi thời gian chia tách giữa tiếng Stiêng và tiếng Mnông là 1.795 năm. Như vậy, ba ngôn ngữ Mnông, Stiêng và Chrau không cùng một thời điểm chia tách như sơ đồ của I. Peiros, mà có một điểm chia tách tiếng Mnông với Pro Stiêng - Chrau trước thời điểm chia tách thành hai tiếng Stiêng và Chrau ngày nay. Hai ngôn ngữ có khoảng cách phân ly lâu nhất là Tà Mun và Mạ: 2.204 năm. Đó là thời gian chia tách giữa hai tiểu nhóm.

Từ tỷ lệ tương ứng từ vựng, áp dụng công thức ngữ thời học, sơ đồ các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar, Phan Trần Công [13] đã vẽ sơ đồ ngữ hệ với các thời điểm chia tách giữa các ngôn ngữ Nam Bahnar như **Hình 7** sau:



Hình 7. Sơ đồ ngữ hệ các ngôn ngữ Nam Bahnar

Trên đây là kết quả dựa trên nguồn ngữ liệu của các ngôn ngữ Nam Bahnar mà chúng tôi thu thập được trong 5 năm trở lại đây. Kết quả này chỉ có giá trị tham khảo, tuy nhiên, chúng tôi tán thành quan điểm của Nguyễn Tài Cẩn khi ông cho rằng, *“khi chưa có phương pháp khác tốt hơn, phương pháp này vẫn được dùng trên thế giới, trong một chừng mực nhất định, những con số vẫn có ý nghĩa”* [12; tr. 319].

6. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả đối chiếu vốn từ vựng cơ bản và những đặc điểm về mặt ngữ âm, ngữ pháp của tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ Chrau, Stiêng, Kơho, Mạ, Mnông, chúng tôi cho rằng tiếng Tà Mun là một ngôn ngữ thuộc họ Nam Á.

Nhóm Nam Bahnar chia ra hai nhóm nhỏ hơn. Việc phân chia các nhóm đó cần phải xem xét thêm, tuy nhiên tiếng Chrau và tiếng Stiêng nằm chung trong một tiểu nhóm do sự gần gũi của chúng về mặt từ vựng, ngữ âm và cả ngữ pháp, tức có một điểm chia tách gần nhất giữa hai thứ tiếng. Với Tà Mun, dựa trên tỷ lệ tương đồng từ vựng, chúng tôi nhận thấy giữa tiếng Tà Mun và tiếng Chrau có tỷ lệ lớn nhất so với các ngôn ngữ khác trong nhóm Nam Bahnar. Kết hợp với những giả thuyết khoa học về mối quan hệ giữa người Tà Mun và người Chrau, có thể thấy tiếng Tà Mun là một ngôn ngữ phân ly từ tiếng Chrau, có quan hệ khá gần gũi với tiếng Stiêng.

Tộc người Chrau có nhiều nhóm, trong đó có nhóm tộc người Tà Mun. Cuộc sống du canh, du cư là nguyên nhân chính làm nảy sinh các nhóm tộc người. Ngôn ngữ của các nhóm tộc người ngày càng khác biệt và dần dần hình thành phương ngữ. Với nhóm tộc người Tà Mun, những biến động trong đời sống kinh tế,

xã hội đã đẩy họ ngày càng xa tộc người Chrau. Do tập quán du canh, du cư, cộng thêm những biến động của cuộc sống đã khiến ngôn ngữ của nhóm Tà Mun ngày càng khác với các nhóm tộc người Chrau. Do vậy, việc xem tiếng Tà Mun như một ngôn ngữ độc lập là thỏa đáng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Hòa Minh, Nguyễn Xuân Châu (Chủ nhiệm đề tài), *“Nghiên cứu, xác định thành phần dân tộc của nhóm người Tà Mun tại Tây Ninh”*, Đề tài nghiên cứu khoa học Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh, 2012.
- [2] *“Bulletin officiel de l'Indochine Française”*, N°. 410, 1893, Page 742.
- [3] Kriukov M.B. - Trần Tất Chung *“Vấn đề nguồn gốc người Tà Mun”*, tạp chí Dân tộc học số 2, 1990.
- [4] Phan An (Chủ nhiệm đề tài), *“Bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Tây Ninh”*, Đề tài nghiên cứu khoa học Sở Khoa học Công nghệ Tây Ninh và Hội Dân tộc học TP. HCM, 2008.
- [5] David D. Thomas, *Notes on Chrau Ethnogeography*. In *Notes from Indochina on ethnic minority cultures*, Marilyn Gregerson and Dorothy Thomas (eds.), SIL, Museum of Anthropology Publication 6, Dallas, 1980.
- [6] Đảng bộ huyện Hớn Quản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Hiệp, *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hiệp (1939-2015)*, 2016.
- [7] Blood Henry F., *“A Reconstruction of Proto – Muong”*, M.A. Thesis, Indiana Univ., SIL, USA, 1974.
- [8] Nguyễn Thiện Giáp, *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012.

- [9] Campbell Lyle, *Historical Linguistics* (3th edition), Edinburgh University Press, 2013.
- [10] SIL, *Ethnologue, the Languages of the World*, 20th Edition, Dallas, USA, 2017.
- [11] Nguyễn Văn Lợi (Chủ nhiệm đề tài), “Các ngôn ngữ Nam Á ở Việt Nam xét về quan hệ cội nguồn”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học, 2010.
- [12] Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [13] Phan Trần Công, “Vị trí của tiếng Tà Mun trong nhóm Nam Bahnar”, Luận văn thạc sĩ, Trường ĐHKHXH&NV, TP.HCM, 2015.

DETERMINATION THE POSITION OF TA MUN LANGUAGE

Le Khắc Cuong, Phan Tran Cong

ABSTRACT

The Ta Mun ethnic minority group currently lives mainly in Binh Phuoc and Tay Ninh provinces. They live with the Stieng, the Chrau and the Vietnamese. The process of exchanges in a long time makes it difficult to preserve and identify ethnic cultural features.

Ta Mun language has a close relation with the South-Bahnaric languages, especially close to the Chrau language. However, the differences between these two languages are large enough, so in our opinion, to consider Ta Mun as an independent language, rather than a dialect of Chrau.

This article provides some of the phonetic characteristics of the Ta Mun language and the phonetic correspondences between the basic words in the Ta Mun language and the languages in the South-Bahnaric group; thereby determining the position of Ta Mun in this language group.

Keywords: Ta Mun Language, South Bahnaric Languages, Chrau Language, Stieng Language, Austro-Asiatic Languages.

Received: 15/01/2020

Revised: 13/03/2020

Accepted for publication: 19/03/2020